

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1								
1	1912711402	Nguyễn Thị Hoài An	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
2	1913711412	Nguyễn Trần Hoài Bảo	N19DLK1	1	8				8.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
3	1913711411	Thái Nguyên Bảo	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
4	1912711424	Lê Thùy Dung	N19DLK1	1	10				10.0	4.0	0.0	Không	
5	1912711433	Lê Thị Khánh Hà	N19DLK1	1	10				10.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
6	1913711439	Bùi Đức Hiễn	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
7	1913711441	Nguyễn Thanh Hòa	N19DLK1	1	5				5.0	2.0	0.0	Không	
8	1912711447	Hà Thị Thanh Huyền	N19DLK1	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
9	1912711448	Trần Lưu Kim Huyền	N19DLK1	1	6				6.0	2.0	0.0	Không	
10	1913711450	Trương Nguyễn Đăng Khoa	N19DLK1	1	9				9.0	HP	0.0	Không	HP
11	1913711455	Đỗ Hồ Nhật Lam	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
12	1812119390	Briú Hồng Lê	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
13	1912711460	Trần Ngọc Mai	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
14	1913711463	Võ Đức Hoài Nam	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
15	1912711465	Trần Thị Nga	N19DLK1	7	5				5.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
16	1912711467	Lâm Khả Ngân	N19DLK1	1	10				10.0	HP	0.0	Không	HP
17	1913711476	Nguyễn Thành Nhân	N19DLK1	1	9				9.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
18	1913711489	Hoàng Ngọc Minh Quang	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
19	1913711490	Nguyễn Văn Quý	N19DLK1	1	9				9.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
20	1912711493	Lê Thị Hạ Uyên	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
21	1912711497	Phạm Ngọc Bảo Quỳnh	N19DLK1	1	10				10.0	2.0	0.0	Không	
22	1913711498	Nguyễn Nhật Tân	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
23	1913711501	Hoàng Thành	N19DLK1	1	9				9.0	2.0	0.0	Không	
24	1912711503	Trần Thị Thu Thảo	N19DLK1	7	10				10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
25	1912711504	Nguyễn Thị Minh Thảo	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
26	1912711520	Cần Thị Thủy Tiên	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
27	1913711530	Lưu Văn Minh Trung	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
28	1913711529	Ngô Quốc Trung	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
29	1912711533	Nguyễn Thị Minh Tuyền	N19DLK1	4	7				7.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
30	1912711535	Ngô Thị Thanh Vân	N19DLK1	1	7				7.0	2.0	0.0	Không	
31	1913711536	Nguyễn Lê Duy Ván	N19DLK1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1912711541	Đặng Thị Thúy Vy	N19DLK1	7	8				8.0	HP	0.0	Không	HP
33	1913711403	Nguyễn Đình An	N19DLK2	1	5				5.0	6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
34	1912711404	Nguyễn Thị Vân Anh	N19DLK2	1	10				10.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
35	1912711407	Mai Thị Phương Anh	N19DLK2	1	10				10.0	HP	0.0	Không	HP
36	1913711420	Nguyễn Tấn Định	N19DLK2	4	8				8.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
37	1813119349	Lê Đức	N19DLK2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	1913711427	Lê Phạm Quang Duy	N19DLK2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
39	1912711434	Nguyễn Thị Duy Hà	N19DLK2	1	8				8.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1912711438	Trần Thị Thu Hiền	N19DLK2	10	10				10.0	8.0	8.8	Tám phẩy Tám	
41	1913711442	Hồ Ngọc Hoàng	N19DLK2	7	8				8.0	HP	0.0	Không	HP
42	1913711443	Trần Đức Hưng	N19DLK2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
43	1913711452	Trần Duy Khoa	N19DLK2	1	10				10.0	V	0.0	Không	
44	1913711454	Nguyễn Toàn Khôi	N19DLK2	4	5				5.0	HP	0.0	Không	HP
45	1913711461	Thái Bình Minh	N19DLK2	4	10				10.0	10.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
46	1912711468	Lê Thị Kiều Ngân	N19DLK2	7	10				10.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
47	1913711477	Phạm Văn Nhân	N19DLK2	1	5				5.0	6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
48	1913711479	Nguyễn Quang Nhật	N19DLK2	7	10				10.0	HP	0.0	Không	HP
49	1913711483	Lê Văn Nhựt	N19DLK2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
50	1913711484	Thân Đăng Hồng Phú	N19DLK2	7	10				10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
51	1913711491	Phạm Bảo Quý	N19DLK2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
52	1912711510	Dương Thị Ngọc Thu	N19DLK2	4	9				9.0	V	0.0	Không	
53	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài Thương	N19DLK2	4	10				10.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
54	1912711517	Nguyễn Thị Như Thủy	N19DLK2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
55	1913711526	Nguyễn Kim Trí	N19DLK2	1	8				8.0	8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
56	1912711528	Hồ Thị Tú Trinh	N19DLK2	1	10				10.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
57	1913711532	Hà Xuân Trường	N19DLK2	4	10				10.0	6.0	7.0	Bảy	
58	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	N19DLK2	1	9				9.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
59	1913711539	Huỳnh Ngọc Vũ	N19DLK2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
60	1913711538	Hồ Nguyên Vũ	N19DLK2	7	6				6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
61	1912711544	Võ Thị Ngọc Yến	N19DLK2	1	5				5.0	6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
1	1812719069	Tôn Nữ Thị Hằng	N18DLK6	1	10				10.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	54019
2	1813719240	Nguyễn Văn Thịnh	N18DLK6	1	7				7.0	V	0.0	Không	60419

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	28	44%	
2	Số sinh viên nợ	35	56%	
TỔNG CỘNG :		63	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân